

Số: 16 /2011/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá bán nước máy trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÔNG VĂN BẢN

Số: 746

Ngày: 24/3/2011

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Chỉ thị số 04/2004/CT-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2004 của Thủ Tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quản lý cấp nước và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19 tháng 5 năm 2009 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 100/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 16/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 31 tháng 12 năm 2008 về việc ban hành quy chế đảm bảo an toàn cấp nước;

Chỉ thị số 18/2009/CT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đẩy mạnh các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cấp nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ văn bản số 111/HĐND-VP ngày 21/3/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về đề nghị điều chỉnh giá nước sinh hoạt;

Theo đề nghị của liên Sở Tài chính – Xây dựng tại Tờ trình số: 434/TTr-LN STC-SXD ngày 14 tháng 03 năm 2011 về việc điều chỉnh giá nước sạch thực hiện từ 1/4/2011 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá bán nước máy cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, như sau:

TT	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	ĐƠN GIÁ BÁN (Đồng /m ³)
1	Nước sinh hoạt	
	a. Các hộ dân tộc ít người vùng nông thôn	2.500
	b. Sử dụng từ 0 ÷ 10 m ³	
	❖ Nước sinh hoạt tại vùng nông thôn	4.000
	❖ Nước sinh hoạt đô thị	5.200
	c. Sử dụng trên 10 m ³	
	❖ Nước sinh hoạt tại vùng nông thôn	6.000
	❖ Nước sinh hoạt đô thị	7.500
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	7.500
3	Các hoạt động sản xuất vật chất	
	- Bán trực tiếp cho khách hàng	7.500
	- Bán qua đồng hồ tổng Khu Công nghiệp	6.800
4	Kinh doanh dịch vụ và du lịch	10.000

Giá bán trên chưa có thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 2. Quy định đối tượng sử dụng nước :

1. Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt:

Bao gồm các hộ dân sử dụng nước máy cho mục đích sinh hoạt tính theo từng hộ gia đình, cho từng đồng hồ đo nước. Trong đó các đối tượng theo địa bàn được quy định cụ thể như sau:

a) Nước sinh hoạt các hộ dân tộc ít người: áp dụng tại vùng nông thôn.

b) Nước sinh hoạt đô thị: Áp dụng trên địa bàn: các phường thuộc Thành phố Vũng Tàu; các phường thuộc thị xã Bà Rịa; Thị trấn Phú Mỹ (huyện Tân Thành); Thị trấn Long Hải, thị trấn Long Điền, xã Phước Tỉnh (huyện Long Điền).

c) Nước sinh hoạt tại vùng nông thôn : Áp dụng trên địa bàn:

- Huyện Xuyên Mộc, huyện Châu Đức, huyện Đất Đỏ.
- Các xã thuộc: thành phố Vũng Tàu, Thị xã Bà Rịa, huyện Tân Thành, huyện Long Điền.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp:

Bao gồm :

- Bệnh viện, trường học
- Các đơn vị lực lượng vũ trang
- Các cơ quan đoàn thể
- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

3. Các hoạt động sản xuất vật chất :

Bao gồm :

- Các khu Công nghiệp, khu chế xuất, văn phòng đại diện
- Các đơn vị, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công.
- Các nhà máy điện
- Các cơ sở chăn nuôi, xử lý chất thải, lò thiêu.
- Nước phục vụ cho công trình xây dựng.

4. Kinh doanh dịch vụ

Bao gồm :

- Các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, rượu, bia, kem, nước giải khát
- Các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh ăn uống, giải khát.
- Các cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi.
- Các khu chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại.
- Các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền.
- Các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2011 và thay thế Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2009 của UBND tỉnh về việc ban hành giá nước máy trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thời hạn áp dụng giá bán nước máy cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh tối đa không quá 03 năm.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND Thành phố Vũng tàu, thị xã Bà Rịa, các huyện trên địa bàn Tỉnh; Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa Vũng tàu; Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh Môi trường Nông thôn; Công ty TNHH Cấp nước Tóc tiên; Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ; Giám đốc các Ban quản lý khu công nghiệp, các doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và địa phương,

các Doanh nghiệp nước ngoài, Doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN *Handwritten signature*

KT. CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

Nơi nhận :

- Như điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính (vụ PC);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo BRVT- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT- TH.

Handwritten signature